

Quan hệ Đài Loan - Trung Quốc - Mỹ: một cái nhìn từ Đài Bắc

nguyễn minh thọ

(bản ngày 20 tháng 7 năm 2002)

Lời đầu:

Vì tựa đề trên có thể gây ra một hiểu lầm nào đó, xin thưa ngay rằng người viết bài này không sống ở Đài Loan (DL), cũng chẳng phải là một nhà 'Đài Loan học', chuyên nghiên cứu lịch sử, chính trị... gì cả. Thật ra trước đây tôi không có nhiều cảm tình với hòn đảo này, chỉ mơ hồ biết đó là vùng đất giàu có, với những thương gia có vốn lớn, hoạt động kinh tế, làm ăn giỏi... Mùa hè năm 1997, nghề nghiệp đã đưa tôi đến làm việc ở trường đại học Emory ở Atlanta (Mỹ), và có dịp làm quen và hợp tác với ông M.C. Lin, giáo sư hoá tại đây. Trong những câu chuyện ngoài lề, ông Lin thường nhắc tôi: "I am Taiwanese", và hay vẽ ra viễn cảnh một "nước DL độc lập" trong một châu Á phát triển, phồn thịnh. Tôi bắt đầu có chút ý thức về sự khác biệt giữa "Chinese" và "Taiwanese". Ông bạn tôi hiểu lịch sử và có cảm tình đặc biệt với Việt nam và coi trọng quan hệ kinh tế DL-VN trong bối cảnh lịch sử và phát triển phức tạp của đảo. Khi biết tôi thường về VN dạy học, ông khuyến khích tôi, trên đường về VN, thêm ngày đi xuống thăm DL và xây dựng mối quan hệ hợp tác khoa học với các đồng nghiệp ở "Viện khoa học nguyên tử và phân tử" (IAMS, do ông Lee Yuan-tseh, người được giải Nobel hóa học năm 1986, thành lập từ năm 1995 (1)). Nhận lời ông, từ đó mỗi năm tôi thường ghé thăm IAMS một đôi lần. Tôi có may mắn được sống ở Đài Bắc vào tháng 3 năm 2000, trong mùa bầu cử tổng thống lịch sử. Nhờ sự tin cậy và nhiệt tình của các đồng nghiệp DL, tôi đã giới thiệu vài sinh viên VN sang IAMS làm luận án tiến sĩ và đang giúp triển khai một chương trình đào tạo, hợp tác lâu dài giữa viện nghiên cứu khoa học này và các trường đại học VN (2). Từ quan hệ thân thiện này, tôi có dịp nghe và hiểu hơn về chút lịch sử, cũng như cách nhìn và tâm trạng của giới trí thức DL, và dần dần tôi thấy có nhiều cảm tình hơn với họ...

Hiện nay giới trí thức chung quanh ông YT Lee đang có ảnh hưởng chính trị rất lớn trong chính quyền DL. Tôi muốn ghi lại một số điều tôi đã hiểu được nhằm đóng góp thêm một số thông tin cho cuộc thảo luận tại Hội Thảo ở Maine (26-28 tháng 7, 2002), và có thể sau đó...

Bài này không phải là một bài 'nghiên cứu' theo nghĩa thông thường (phân tích số liệu, sự kiện một cách khách quan), mà chỉ là một 'tùy bút' (essay) của một người ngoại đạo, phản ánh một cái nhìn chủ quan từ Taipei về mối quan hệ tay ba (ménage-à-trois) đầy kịch tính, song cũng đầy cạm bẫy, mang mầm mống hiểm họa chiến tranh...

N.B.

a) Vì gặp nhiều khó khăn trong việc chuyển tên từ tiếng Quan thoại ra tiếng Việt, để thống nhất, tôi chọn ghi tên các nhân vật hay địa danh bằng chữ Pinyin, kể cả các tên quen thuộc như Chiang, thay vì Tưởng... Để khỏi phải dịch sai, khi cần, một vài câu tuyên bố hay văn bản... sẽ được trích nguyên văn bằng tiếng Anh.

Cũng xin thành thật cáo lỗi là tôi sẽ phải mở ngoặc đơn nhiều lần để chuyển ngữ! .

b) Để khỏi phải lập lại một số từ, tôi sẽ dùng chữ tắt. Các chữ tắt thường gặp là:

ĐL	: Đài Loan, Taiwan. Trong các văn bản cũ gọi là Formosa.
TQ	: Trung quốc, Trung hoa lục địa
ROC	: Cộng hoà Trung Hoa (Republic of China on Taiwan)
PRC	: Cộng hoà nhân dân Trung hoa (People Republic of China)
NB	: Nhật bản
EBĐL	: Eo biển Đài Loan (Taiwan Strait)
QHXE	: Quan hệ xuyên eo biển (Cross-strait relations)
KMT	: Kuomintang (Quốc dân đảng)
DDP	: Democratic Progressive Party (Đảng dân chủ tiến bộ)
ĐCSTQ	: Đảng cộng sản Trung quốc
NTITQ	: Nguyên tắc một Trung quốc (one China principle)
TRA	: Nghị định về quan hệ Đài loan (Taiwan Relations Act)

1. Một chút địa lý

ĐL là một hòn đảo nằm ở đông Á, phía bắc Phi Luật Tân, phía đông nam bờ biển Trung hoa lục địa (sẽ được viết tắt là TQ), đối diện với tỉnh Fujian và nối với TQ bằng Eo biển ĐL (EBĐL, Taiwan Strait). Diện tích ĐL chỉ có 35.980 km². Bờ biển dài 1566.3 km. Gần 2/3 diện tích ở phía đông là núi, phần còn lại là đồng bằng ở phía tây. ĐL thường hay bị động đất và bão lớn. Trong lòng đất không có tài nguyên thiên nhiên nào đáng kể (3).

Vào đầu thế kỉ 20, ĐL chỉ có 3.12 triệu dân (1905); sau 40 năm tăng lên 6.02 triệu (1945), và tăng vọt đến 7.39 triệu vào cuối năm 1949, với hơn 1.3 triệu dân đến từ lục địa. Sau 1949, hàng triệu người di dân đến từ lục địa đưa số dân tăng nhanh. Theo thống kê mới nhất trong tháng 5/2002, dân số Taiwan và các vùng đảo Penghu, Kinmen và Matsu và quần đảo Pescadores... hiện nay lên đến 22.5 triệu (22.16 triệu vào 5/2000 và 22.37 triệu vào 7/2001). Với 612 người/cây số vuông, ĐL hiện có mật độ dân cư rất cao, chỉ đứng sau Bangladesh. Dân ĐL tương đối trẻ, với 21% dân dưới 14 tuổi và 70% từ 15 đến 60 tuổi; gần 50% ở tuổi lao động. Tỷ lệ đàn ông/phụ nữ thay đổi từ 1.05 đến 1.10 tùy theo lứa tuổi.

Nếu định nghĩa “*người Đài Loan*” (Taiwanese) là người mà gia đình, dòng họ đã đến lập cư trên đảo từ trước tháng 5/1949, số người này hiện nay lên đến 84% dân số. Người đến từ TQ sau 1949 và gia đình chỉ còn chiếm 14%, và người thổ dân (aborigine) chỉ còn sót lại khoảng 2% (3).

Sau chiến tranh lạnh, vị trí địa lý của ĐL càng quan trọng hơn. TQ ngày càng mạnh lên về kinh tế và quân sự, và càng có khuynh hướng nhìn về phía đông và nam biển TQ, nhìn ra Thái bình dương (TBD) và Ấn độ dương, như những vùng TQ có thể tranh dành quyền lực và ảnh hưởng. Phát triển

bình thường này chạm phải quyền lợi và an ninh hàng hải của Nhật bản, các nước ASEAN, Úc, Ấn độ, và trước hết của Mỹ, người đang giữ vai trò điều phối trên vùng biển đông nam. Quần đảo trong vùng TBD châu á là chướng ngại vật thiên nhiên cho việc bành trướng của TQ, và trong quần đảo này, ĐL giữ một vị trí địa lý chính yếu. Từ một cái nhìn địa lý chiến lược, ĐL trở nên vùng đất tranh chấp giữ các cường quốc, vì ĐL có thể tham gia hay ngăn cản ảnh hưởng TQ ở phía tây TBD. Chính trong khung cảnh này, mối quan hệ quân sự Mỹ-Nhật bản đã được xem lại cho phép Nhật sẵn sàng tham gia bên cạnh Mỹ.

Với một địa hình như thế, nhiều vấn đề đặt ra cho việc phòng thủ ĐL trước tấn công quân sự của TQ bằng hỏa tiễn hay trên không, và phong tỏa các hải cảng hay đổ bộ bằng đường biển.... Không cần phải là ‘chuyên gia quân sự’ để có thể hiểu rằng, trong trường hợp chiến tranh xảy ra, sẽ có một cuộc tấn công nhanh chóng của quân đội TQ (PLA) vào ĐL bằng hỏa tiễn tầm gần từ tỉnh Fujian đối diện.

2. Một chút lịch sử

- Lúc đầu chỉ có các bộ lạc thổ dân sống ở ĐL, rồi đến một số ít người di dân Trung hoa. Sau khi chiếm đảo vào 10/1683, nhà Thanh sáp nhập đảo vào tỉnh Fujian đối diện. Nhiều người TQ từ Fujian và Guangdong di dân đến vùng đất đồng bằng miền tây ĐL khai khẩn trồng trà, đường và lúa gạo để bán vào TQ. Đến khoảng giữa thế kỷ 18, nhà Thanh hoàn thành cơ bản việc đồng hóa dân đảo, từ xã hội đến văn hóa. Sau 1885, nhà Thanh cho đảo thành một tỉnh riêng và bắt đầu tăng cường cơ sở hạ tầng và quốc phòng. Trong thời gian này, giới sĩ phu, quan lại và dân chúng đều xem mình là người Trung hoa (Chinese) thần dân của thiên triều.

- Ngày 3/8/1884, triều đình Nhật bản (NB) tuyên chiến với Thanh triều. Thắng trận, NB ép nhà Thanh phải nhường “vĩnh viễn và toàn vẹn” (4) đảo ĐL và quần đảo Pescadores cho Nhật. Trong hơn nửa thế kỷ tiếp đó, NB không những hiện đại hóa thuộc địa của mình mà còn biến dân bản xứ suy nghĩ và hành động giống như người Nhật, và từ đó một đặc tính dân tộc nào đó (a certain national identity) đã được thành hình trên đảo ĐL.

- Cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) chấm dứt 267 năm trị vì của Thanh triều song không lập được một chính phủ ổn định có khả năng xây dựng và hiện đại hoá TQ mà dẫn đến cuộc nội chiến. Hai đảng chính trị xuất hiện: Kuomintang (KMT, Quốc dân đảng) vào năm 1919 và đảng cộng sản Trung quốc (ĐCSTQ) và năm 1921. Cuộc chiến tranh quốc-cộng trên lục địa, cũng là cuộc chiến tranh giữa hai nhân vật lịch sử, Mao Zedong và Chiang Kai-shek, bắt đầu từ 1927 cho đến cuối năm 1949. Trong giai đoạn này ĐL là một thuộc địa của NB.

- Ngày 26/11/1943, lãnh đạo Mỹ, Anh và Trung quốc họp ở Cairo đồng ý với nhau là NB phải trao trả lại tất cả đảo NB đã chiếm đóng trước đây ở Thái bình dương, trong cả hai cuộc thế chiến, và trả ĐL

cho nước Cộng hòa Trung hoa (Republic of China) hiện đang do Chiang và KMT cầm quyền. Hội nghị Postdam ngày 26/7/1945 xác nhận lại đòi hỏi này.

- Ngày 25/10/1945, NB đầu hàng Đồng minh và ĐL được trả về cho chính quyền KMT. Tướng Chen Yi, thống đốc KMT của tỉnh đưa ra dự án phát triển kinh tế, cho tự do báo chí và tổ chức tổng tuyển cử,... song trên thực tế người KMT lục địa nắm trọn mọi quyền chính trị và kinh tế. Xung đột quyền lợi, và nhất là xung đột văn hoá giữa dân ĐL và người lục địa, tạo nên căng thẳng xã hội và dẫn đến ‘biến cố ngày 28/2/1947’ trong đó dân ĐL nổi dậy giành chính quyền ở khắp các thành phố lớn. Hai tuần sau, chính quyền KMT ở Bắc kinh gọi quân đội ra đảo đàn áp thẳng tay, bắn giết hàng ngàn dân nổi loạn, tiêu diệt các nhóm lãnh đạo và thiết lập lại chính quyền KMT (5). Dù cho đến nay vẫn không có con số chính thức về số người chết và bị bắt trong biến cố này, kết quả là một vết nứt sâu đậm giữa dân đảo và chính quyền KMT (6).

- Cùng lúc đó trong lục địa đang diễn ra cuộc chiến tranh đẫm máu giữa KMT và đảng Cộng sản Trung quốc (ĐCSTQ). Thua trận, ngày 25/5/1949, Chiang Kai-shek, con trai Chiang Ching-kuo và nguyên chính quyền KMT cùng tàn quân chạy đến ĐL, nơi ẩn náu cuối cùng. Lần này, Chiang áp đặt bộ máy KMT trung ương trên đảo, dựng chính quyền, cũng cố quân đội, tổ chức phòng thủ, và chờ một phép lạ để trở về giải phóng lục địa. Chiang vẫn giữ tên nước là “Cộng hoà Trung hoa” (Republic of China, ROC), vẫn giữ hiến pháp 1947, dành chủ quyền cho ROC không những trên đảo ĐL mà còn cả trên TQ và (ngoại) Mông Cổ (7).

Tháng 10/1949, Mao và ĐCSTQ tuyên bố thành lập một nhà nước mới, có tên mới, “Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” (People’s Republic of China, PRC), với cờ mới, quốc ca mới. Trong những việc đầu tiên của PRC là chuẩn bị đưa quân sang giải phóng ĐL.

- Ngày 5/1/1950, chờ đợi sự kiện Hồng quân (‘quân đội giải phóng nhân dân’, PLA) sẽ tiến vào ĐL, tổng thống Mỹ Truman tuyên bố rằng: “The United States will not provide military aid or advice to Chinese forces on Formosa”. Cùng ngày, bộ trưởng ngoại giao Mỹ Dean Acheson tuyên bố: “...we are not going to use our forces in connection with the present situation in Formosa. We are not going to attempt to seize the island. We are not going to get involved militarily in anyway on the island of Formosa” (8). Với một chính sách “3 không” như thế, tất cả dường như cho thấy rằng Mỹ đã muốn phải sạch tay với Chiang, và cuộc nội chiến sắp đến hồi kết thúc; Mao Zedong sẽ toàn thắng và thống nhất TQ.

- Song chỉ sáu tháng sau, ngày 25/6/1950, quân đội Bắc Hàn tràn xuống tấn công Nam Hàn. Truman xem xét lại toàn bộ chính sách Mỹ đối với Liên Xô và TQ, và kết luận rằng việc để ĐCSTQ chiếm ĐL sẽ gây nguy hiểm cho hoạt động và quyền lợi của Mỹ ở vùng Thái bình dương. Ngày 27/6/1950, Truman ra lệnh cho hạm đội hải quân 7 và hạm đội không quân 13 của Mỹ, ngăn cản mọi tấn công của TQ vào ĐL, và yêu cầu Chiang ngừng mọi bắn phá vào nội địa TQ (9). Như vậy Mỹ đã quyết

định hạn chế cuộc chiến tranh của hai chế độ TQ để rảnh tay giải quyết các vấn đề nóng bỏng khác, trước mắt là cuộc chiến tranh Triều tiên. Tháng 12/1954 Mỹ và chính quyền Chiang ký một “Hiệp ước phòng thủ chung” (Joint Defense Treaty) cơ bản đặt ĐL dưới sự bảo vệ quân sự của Mỹ.

Từ năm 1950, hai đảng chính trị lớn, KMT và ĐCSTQ, đều phát ngôn cờ dân tộc, đều có tham vọng thống nhất TQ, sau hơn hai mươi năm dài nội chiến, nay cầm quyền trên hai phần đất biệt lập nhau, tiếp tục cuộc chiến tranh bằng nhiều hình thức khác. Thật ra Mỹ chưa bao giờ muốn tự rút, hay có khả năng tự rút, ra khỏi cuộc nội chiến TQ này. Chính sự can thiệp của Mỹ ở EBĐL vào năm 1950 đã tạo nên “**vấn đề ĐL**”, trở thành một vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế, vấn đề nhạy cảm số 1 trong quan hệ Mỹ-TQ, và đầu mối nhiều căng thẳng chính trị và hiểm họa chiến tranh trong vùng châu Á-TBD từ hơn nửa thế kỷ qua.

3. Chung quanh “Vấn đề Đài Loan”

Mao và giới lãnh đạo ĐCSTQ cảm thấy bị Mỹ lừa trong việc thống nhất TQ. Một phần nào đó, việc PRC tham gia chiến tranh Triều tiên cũng là một phản ứng trả đũa về sự can thiệp của Mỹ ở ĐL. Từ 1954, ĐCSTQ chính thức nêu khẩu hiệu “vĩnh viễn giải phóng ĐL, thống nhất TQ” thành mục tiêu quốc gia. Tại ĐL, dựa vào cuộc chiến tranh lạnh, Chiang cũng cố chính quyền với các khẩu hiệu chống cộng, giải phóng lục địa... Chính quyền độc đảng KMT cai trị bằng thiết quân luật, viết lại lịch sử ĐL, xem ROC là nhà nước của cả TQ (“ROC on Taiwan”), cấm phát triển ngôn ngữ địa phương, triệt hạ mọi đối lập và đàn áp mọi phong trào đòi độc lập ĐL...

Vấn đề ĐL tựu trung nằm chung quanh đề tài “một Trung quốc” (“One China”), hay câu hỏi: “Có một hay hai Trung quốc?”

Các định nghĩa nhập nhằng cho từ “một Trung quốc” (one China)

Từ 1949 đến 1971, với sự đồng ý của Mỹ, Chiang đã giữ được vị trí “một TQ với ROC-on-Taiwan là chính phủ đại diện” tại Liên hiệp quốc (LHQ) cũng như trên trường quốc tế. Tháng 10 năm 1971, Đại hội đồng thứ 26 của Liên hiệp quốc ra Nghị quyết số 2758, rút quyền đại diện của ROC ở HĐBA. Để khỏi bị trục xuất và giữ nguyên tư thế đại diện cho TQ, ROC tuyên bố tự rút ra khỏi LHQ và trên thực tế, mất đi mọi quan hệ và công nhận ngoại giao. PRC thay thế ROC cho ghế TQ tại LHQ. Tiếp theo, Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với PRC (1978), từ đó vị trí “một TQ với PRC là chính phủ đại diện” được chấp nhận. Trên thực tế, cả hai ROC và PRC đều tranh giành chủ quyền trên tên gọi “TQ”.

Có một câu chuyện diễu là Mao Zedong đã thú nhận rằng ông đã sai lầm khi tuyên bố thành lập PRC năm 1949; ông than thở: “Nếu tôi vẫn giữ tên nước là ROC thì vấn đề ĐL đã không tồn tại!” (10).

Chính vì PRC ra đời và ROC vẫn tồn tại nên mới có thực tế hai nước TQ!

Trong cuộc đàm phán chính thức đầu tiên năm 1992 giữa đại diện chính quyền ROC và PRC tại Singapore về quan hệ xuyên eo biển, mặc dù cả hai bên đi đến thoả thuận về nhiều vấn đề hành chính khác, đề tài 'nguyên tắc một Trung quốc' ('one China principle', NT1TQ) nổi cộm và cả hai bên không đồng ý với nhau về một định nghĩa nào cả. PRC khẳng định rằng "một TQ là PRC trong đó ĐL là một phần". Ngược lại ROC đòi rằng "một TQ là ROC, trong đó phần đất lục địa là một phần".

Trong tháng 9/1997, chủ tịch PRC Jiang Zemin tuyên bố trước hội nghị 15 trung ương ĐCSTQ rằng "chừng nào ĐL chấp nhận NT1TQ, mọi đề tài khác đều có thể thương lượng!" (11). Cụ thể là ĐL từ bỏ sự hiện hữu của ROC và tự nhận là một tỉnh của PRC trước khi bắt đầu thương thuyết, hay nói đơn giản hơn ROC phải tuyên bố đầu hàng trước khi đến bàn hội nghị!

Điều đáng để ý là trong cuộc 'đấu võ mồm' giữa hai bên từ hơn 50 năm qua, Bắc kinh chưa bao giờ sử dụng tên "ROC" hay "PRC", mà chỉ gọi PRC bằng TQ và ROC bằng ĐL. Từ 1998, ROC được Bắc kinh gọi là "tỉnh phiến loạn". Sợ rằng quan niệm "ĐL là một tỉnh của PRC" được thế giới hiểu lầm chấp nhận, Lee Teng-hui, tổng thống ROC vào lúc đó, tuyên bố rằng quan hệ TQ và ĐL là một "quan hệ đặc biệt quốc gia với quốc gia" (special state-to-state relationship), có nghĩa là quan hệ giữ hai quốc gia có chủ quyền (12). TQ phản ứng dữ dội trước tuyên bố này và cuộc khủng hoảng đi vào một giai đoạn mới, và càng lún sâu.

Lúc đầu câu chuyện như một trò chơi chữ, dần dần cuộc tranh luận dần trở thành cuộc đối thoại của hai người điếc. ROC luôn khẳng định là điều kiện tiên quyết cho mọi thảo luận là sự công nhận của hai bên về hai nước ROC và PRC có chủ quyền ngang nhau. Gần đây, phó thủ tướng Qian Qichen của TQ lập lại rằng "các vùng đất hai bên eo biển ĐL thuộc về một TQ", hay là "vấn đề quan hệ xuyên eo là vấn đề nội bộ TQ". Trước đây TQ chỉ gọi đảo bằng tên ĐL; nay ĐL nhận mình là ĐL, muốn từ bỏ tên TQ, thì TQ lại phản đối kịch liệt...

Thật ra, các sự kiện này cho thấy TQ không chấp nhận thực tế là chủ quyền của hai bên eo biển ĐL đã được chia đôi, và ROC là một nhà nước riêng biệt có chủ quyền!. Nếu Jiang hay Qian chấp nhận rằng "cả hai PRC và ROC đều thuộc về một TQ", thì cuộc thương lượng về một '*Liên bang TQ*' (Chinese Confederation) nào đó có thể trở thành một hiện thực, và mọi căng thẳng sẽ giảm đi.

Tựu trung PRC đưa ra một lập trường 3 điểm: a) chỉ có một TQ trên thế giới, b) TQ lục địa và ĐL đều thuộc về TQ này, và c) sự phân chia vĩnh viễn chủ quyền và lãnh thổ TQ sẽ không được tha thứ, và PRC sẽ lấy lại ĐL kể cả bằng phương tiện quân sự.

Sau khi thu hồi lại Hongkong và Macau, PRC đưa ra thêm các khẩu hiệu: 'một TQ, hai hệ thống' (one China, two systems), 'một TQ, hoà bình thống nhất' (one China, peaceful unification), 'vấn đề nội bộ TQ'... song cơ bản không có gì khác biệt.

Jiang Zemin và giới lãnh đạo TQ cũng đã thường xuyên sử dụng mánh lối: 'thống nhất TQ bằng văn hóa Trung hoa' nhằm khơi dậy tự hào dân tộc về một nền văn minh TQ. Trên thực tế, đa số người dân

ĐL đã hiểu nhiều về ‘văn hoá TQ’ được KMT độc quyền truyền bá với hơn 38 năm ‘khủng bố trắng’ của chế độ Chiang!

Vấn đề pháp lý và sự tin cậy lẫn nhau

Theo Đài bắc, cả hai PRC và ROC đều là nhà nước độc lập có chủ quyền. Từ 1912 đến 1949, ROC đã là chính phủ duy nhất của TQ. Khi lập bản Hiến pháp ROC được triển khai ngày 25/12/1947, vào lúc đó, cả KMT và ĐCSTQ đều tham gia vào việc soạn thảo, và bản hiến pháp này có giá trị trên lục địa và ĐL; sau khi chính phủ ROC chạy về Đài bắc, chính quyền ROC vẫn được tổ chức theo hiến pháp này. Từ lúc sinh ra đến nay, PRC chưa bao giờ có chủ quyền hay quản lý một phần đất nào trên đảo ĐL.

Thêm vào đó, trong vòng 32 năm, từ 1950 đến 1982, quan hệ giữa PRC với ROC không được ghi trong hiến pháp của PRC. Chỉ đến 4/12/1982, một điều khoản bổ sung được ghi thêm trong lời nói đầu của hiến pháp PRC: ”ĐL là phần của vùng đất thiêng liêng của PRC, và việc hoàn thành thống nhất tổ quốc là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân TQ, kể cả nhân dân ĐL” (13).

Xét về mặt pháp lý, ở đây có một điều không ổn. Khi được thành lập năm 1949, PRC đã từ bỏ ĐL. ĐL là phần đất của ROC chứ không phải của PRC. Đó cũng là một thực tế lịch sử. Thay đổi hiến pháp chỉ để tạo nên một ảo tưởng.

Ngay cả trong thông cáo chung Thượng hải năm 1972 giữa Mỹ và PRC (14), TQ mà Mỹ công nhận đã không là PRC hay ROC, mà là “một TQ trong tương lai” và “một TQ được xây dựng nên trong hòa bình” (từ đó, lập trường của Mỹ là một lập trường nhập nhằng, nước đôi, xem dưới đây!).

Khi TQ yêu cầu thiết lập “ba cái nối trực tiếp” (three direct links) gồm nối giao thông, mậu dịch và bưu điện, và xem đó là ‘vấn đề nội bộ’. Câu hỏi đặt ra là “vấn đề nội bộ dưới luật pháp nào?”, và câu trả lời hoàn toàn khác nhau. Từ đó, lập trường cứng rắn của PRC đương nhiên dẫn đến chỗ bế tắc trong việc giải quyết các vấn đề hiến pháp và chính trị đang tồn tại hai bên EBĐL.

Nghịch lý chính của TQ là đòi thống nhất song không chấp nhận là đã có chia đôi. Làm sao thống nhất khi không có chia!

Cuộc khủng hoảng ngày càng sâu rộng còn bắt nguồn từ một khủng hoảng về sự tin cậy lẫn nhau. Tưởng cũng nên nhắc lại là trong năm 1995, Jiang Zemin tuyên bố 8 điểm trong đó nguyên tắc tối thượng là ‘người TQ không đánh người TQ’ (11). Tuy nhiên, trong mùa bầu cử 1996 ở ĐL, TQ không ngần ngại bắn hỏa tiễn ngay trước hai cảng Keelung và Kaoshiung và dọa tấn công ĐL... Hiện nay, PRC tập trung gần 400 hỏa tiễn tầm gần dọc theo bờ biển Fujian. PRC tiếp tục chạy đua vũ trang, với ngân sách thực thụ cao hơn nhiều so với con số chính thức 17.6% cho năm 2002 (15)...phát triển khả năng chống hỏa tiễn, hỏa tiễn tầm xa (long-rang ballistic missiles), tàu ngầm mang đầu đạn nguyên tử... nhằm sẵn sàng tấn công ĐL, chiếm ưu thế bằng một tấn công bất ngờ trong thời gian

ngắn. Vì thế cho nên, đối với đa số người dân sống trên đảo ĐL, tất cả đề nghị mới của TQ chỉ là những khẩu hiệu không đáng tin cậy, và những yêu sách của PRC về thống nhất TQ, dù bằng con đường nào đi nữa, đều không thể chấp nhận được...

Ngược lại, từ khoảng 1992 đến nay, mối lo lắng của TQ là ĐL ngày càng tụt khỏi tầm tay bị nhân lên, vì có thêm một yếu tố mới: *ảnh hưởng chính trị ngày càng tăng của các phong trào độc lập ĐL*.

Quan hệ tay ba giữa Đài Loan, Trung quốc và Mỹ

Quan hệ tay ba giữa ĐL, TQ và Mỹ là vô cùng phức tạp, được quyết định và chi phối bởi nhiều yếu tố trong giai đoạn chiến tranh lạnh cũng như hiện nay sau sự kiện 11/9/2001.

Ngay sau khi chính quyền Nixon ký Thông cáo chung Thượng hải với TQ (4/1972), Mỹ vẫn giữ quan hệ ngoại giao với ĐL. Trong thông cáo chung này, Mỹ tuyên bố: “The US acknowledges that all Chinese on either side of the Taiwan Strait maintain there is but one China and that Taiwan is a part of China. The US government does not challenge that position” (14). Năm 1978, chính quyền Carter thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với TQ, cắt quan hệ ngoại giao với ĐL, song sau đó đưa ra “Taiwan Relations Act” (TRA, 1979) nhằm bảo vệ ĐL. Việc này có nghĩa là Mỹ công nhận thực thể “một TQ, hai chế độ chính trị khác nhau”, cũng như theo đuổi chính sách ngoại giao “một TQ, một ĐL”... Cơ bản, chính sách “một TQ” của Mỹ trong ba mươi năm qua là một chính sách nhập nhằng, nước đôi, nhằm để cùng một lúc giữ được quan hệ với TQ và vẫn bảo vệ an ninh của ĐL. Có thể nói đó là chính sách “ba TQ”: một PRC, một ROC, và một TQ tương lai bao gồm cả TQ và ĐL!.

Sự nhập nhằng trên tất yếu đưa đến sự nhập nhằng trong quan hệ tay ba. Khẩu hiệu ‘một TQ’ một mặt làm cho ĐL bị thua thiệt trên quan hệ quốc tế (16), song mặt khác chứng minh rằng TQ không có ảnh hưởng gì cả trên ĐL. Rất ít đồng minh của TQ hoàn toàn ủng hộ khẩu hiệu “một TQ”(17).

Chính quyền Clinton có vẻ nghiêng về phía TQ, song thực tế vẫn triển khai sử dụng TRA để quân bình quan hệ, và nhất là vẫn tiếp tục trang bị vũ khí cho ĐL. Chính sách của Clinton có thể nói là chính sách “Ba Không” (Three No’s) được tóm tắt trong bài diễn văn Thượng hải năm 1998: i) Mỹ không ủng hộ độc lập ĐL, ii) Mỹ không để cho TQ can thiệp quân sự vào ĐL, và iii) Mỹ không ủng hộ ĐL vào LHQ hay các tổ chức quốc tế đòi hỏi chủ quyền quốc gia.

Trong giai đoạn tranh cử hay những ngày tháng đầu cầm quyền, chính quyền Bush cho thấy muốn có một chính sách đối đầu hơn với TQ, chuyển từ “hợp tác chiến lược” (strategic partnership) sang “cạnh tranh chiến lược” (strategic competition). Chính sách này được chính giới ĐL hoan nghênh, và ĐL cảm thấy rằng chưa bao giờ quan hệ ĐL-Mỹ tốt đẹp như vậy!. Chủ trương “ngăn chặn chiến lược” với TQ, thể hiện qua việc trang bị vũ khí ở ạt cho ĐL, thiết lập hệ thống hoà tiền cho ĐL và cả cho NB. Thậy vậy, quan hệ Mỹ-ĐL, cũng như an ninh Nam Á, không thể rách ra khỏi quan hệ Mỹ-NB-

ASEAN. Singapore vừa xây dựng một hải cảng có khả năng chứa được tàu chiến Mỹ. Phi Luật tân tiếp tục gia hạn hiệp định hợp tác quân sự với Mỹ.

Riêng đối với ĐL, Mỹ không chờ đợi ĐL sẽ chấp nhận “một TQ”, và vẫn tiếp tục trên thực tế chính sách “một TQ, một ĐL”, dù hoàn toàn không có ý kiến gì về một “TQ hoà nhập” trong tương lai. Chính sách này thể hiện rõ trong lời buột miệng của Bush vào ngày 16/4/2002 khi nhắc đến, trước báo chí, một “Republic of Taiwan”, và những lời khẳng định gần đây về việc sẽ bảo vệ ĐL bằng mọi giá!

Gần đây hơn, chính sách của Mỹ dường như lại được điều chỉnh lại một chút (một loại một bước tiến, hai bước lùi!). Paul Wolfowitz, thứ trưởng bộ quốc phòng, thuộc cánh điều hâu trong chính quyền Mỹ hiện nay và luôn chủ trương cứng rắn hơn với TQ và thân thiện hơn với ĐL, tuyên bố trong ngày 15/5/2002 rằng: “Washington has no intention, has no desire to separate Taiwan from the mainland... This is another way of saying we're opposed to Taiwan independence” (18). Theo đó thì Mỹ vẫn tôn trọng NT1TQ với hai tiền đề: i) Mỹ không ủng hộ ĐL độc lập, và ii) chống lại mọi xử dụng quân sự của TQ, và xem đó là cơ sở giải quyết mọi vấn đề xuyên eo. Mỹ khuyến khích mọi tiếp xúc và thương lượng giữa ĐL và TQ. Khi thấy Mỹ hơi nghiêng quá xa về phía ĐL, Kissinger cũng đã lên tiếng nhắc lại NT1TQ (19). Trên cơ bản, Mỹ trở về với chính sách nhập nhằng cố hữu của mọi chính quyền trước đây. Có thể gọi chính sách này là chính sách “hai không”, vì vừa qua, khác với chính quyền Clinton, Mỹ đã vận động cho ĐL tham gia tổ chức y tế quốc tế (WHO), dù không thành công. Tại sao vậy? Có một vài lý do:

a) Có thể tìm yếu tố chính cho sự điều chỉnh này trong sự kiện 11/9/2001. Điểm khởi đầu là Mỹ hy vọng TQ ủng hộ Mỹ trong cái gọi là “chiến tranh chống khủng bố” và không tiếp tế cho các quốc gia có liên quan. Chính quyền Mỹ hiện nay hô hào cổ vũ cho cuộc chiến tranh này để hy vọng thắng lợi trong các cuộc bầu cử sắp tới và dẹp yên mọi tiếng nói phản kháng. Chắc chắn TQ chẳng vui vẻ gì với cách tìm bạn: “hoặc anh theo chúng tôi, hoặc anh theo khủng bố”, song có lẽ ít có quốc gia nào có thể có thái độ khác hơn trong giai đoạn này. Hòn đất ném đi, hòn chì ném lại, cả TQ và Mỹ đều được lợi. Nếu TQ gán cho phong trào độc lập Uighur, bắt đầu được thế giới biết đến, là khủng bố, thì cũng thuận tiện cho việc đàn áp.

b) Tiếp đến là với sự tham gia của giới tài chính ĐL, Mỹ có thể tiếp tục đổ vốn vào TQ để giữ kinh tế TQ phát triển đều đặn ở mức 6-7% năm. Đó là điều mà các giới kinh tế, tài chính Mỹ cũng như đảng cộng hòa mong muốn. Sau khi TQ tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO), thị trường rộng lớn của TQ được mở ra cho hàng hoá và vốn Mỹ. Lợi ích kinh tế của Mỹ là quan hệ bình thường để sớm xâm nhập được thị trường TQ. Cuộc đấu tranh thương mại ở đây cũng rất khốc liệt, và các nhà tài chính ĐL hoàn toàn ủng hộ và tham gia vào cuộc chơi này.

c) Biến cố 11/9 dẫn đến một số thay đổi cơ bản trong quan hệ quốc tế. Nga chủ động ủng hộ Mỹ, và quan hệ Nga-Mỹ thay đổi hẳn về tính chất. Nga nhanh chóng lợi dụng cơ hội này để tiến gần đến NATO, được trợ giúp về kinh tế và kỹ thuật, và nhất là được rảnh tay đàn áp các phong trào đòi độc lập trong liên bang. Mỗi quan hệ “bạn bè, hợp tác chiến lược” giữa Nga và TQ, nhằm chống lại Mỹ, hoàn toàn gãy đổ (vì lý do chủng tộc và văn hóa, Nga dễ hòa nhập vào Âu châu hơn là với Á châu!). Dù hiện nay Nga vẫn luôn lo ngại về những biến động trong các vùng biên giới nơi có số đông dân gốc TQ, TQ vẫn đang là một khách hàng quan trọng mua vũ khí Nga. Dù Mỹ và Nga đang hình thành một liên minh mới, cả hai đều cần quan hệ bình thường với TQ, Mỹ để có thêm giúp đỡ cho chiến tranh, còn Nga để bán vũ khí và dầu lửa. Tình hình này sẽ kéo dài trong một thời gian, cho đến khi nào kỹ nghệ chiến tranh TQ có thể tự sản xuất vũ khí tối tân, và kinh tế Nga có thể tự phát triển không cần nguồn vốn nước ngoài.

d) Sau biến cố 11/9, tình hình ở Nam Á cũng thay đổi. Quan hệ giữa Mỹ với Pakistan và nhất là với Ấn độ được cải thiện do Ấn độ giúp Mỹ trong chiến tranh Afghanistan vừa qua. Song cuộc chiến tranh giữa Ấn độ và Pakistan có thể lan rộng bất cứ lúc nào vì vấn đề Kashmir. Nếu xảy ra, TQ sẽ hài lòng vì vòng vây của Mỹ ở Nam Á sẽ bị yếu đi. TQ sẽ ủng hộ Pakistan, đồng minh từ lâu của mình, và Nga sẽ ủng hộ Ấn độ.

e) Một phát triển mới không ngờ trước là quân đội Mỹ đã tiến vào đóng quân ở các nước Trung Á, thuộc Liên xô cũ. Nhân danh ‘chiến tranh chống khủng bố’, một lực lượng quân sự không nhỏ lần đầu tiên đã vào Uzbekistan và Kyrgyzstan và sẽ đóng lâu dài trong vùng này. Mùi dầu lửa bốc lên thom ngát ở đây!. Mỹ vừa kiểm soát được sự khai thác nguồn dầu quan trọng thứ hai trên thế giới vẫn còn nguyên, vừa tổ chức được sự vận chuyển dầu thô về Mỹ và Âu châu. Hai nước này cũng nằm gần biên giới TQ. Đối với TQ, các nước Trung Á là vùng tranh dành ảnh hưởng giữa TQ và Nga. Với nền kinh tế bệ rạt của Nga, TQ đạt nhiều thuận lợi hơn; song với sự hiện diện của quân đội Mỹ. TQ thừa hiểu rằng khả năng của TQ còn giới hạn một khi Mỹ vẫn chia vào việc xây dựng quân sự của TQ.

Khi Hu Jintao, phó chủ tịch TQ, viếng thăm Mỹ trong tháng 4/2002 vừa qua, Dick Cheney lại khẳng định: ”Mỹ không ủng hộ độc lập ĐL”. Donald Rumsfeld tuyên bố Mỹ và TQ sẽ lập lại việc trao đổi quân sự. Song gần đây nhất, Ngũ giác đài báo động về vũ trang của TQ (15) và trên thực tế tiếp tục bao vây chiến lược TQ, vũ trang cho ĐL trên cơ sở của TRA.

Để phá vòng vây, TQ nhìn về các nước Hồi giáo và cải thiện quan hệ quốc tế, nhất là với các nước cung cấp dầu lửa một cách ổn định, trong đó có Bắc hàn, Iran và Iraq. TQ vẫn bán vũ khí, kể cả hỏa tiễn và nguyên tử cho Iran và Iraq. TQ sẽ ủng hộ tích cực Pakistan chống lại Ấn độ. Hiện nay TQ đang kêu gọi thành lập một ‘vùng thương mại tự do’ (free trade zone) bao gồm cả TQ và các nước ASEAN, không gì hơn nhằm phá thế bao vây của Mỹ.

Xét cho cùng, với quan hệ cải thiện và mới Mỹ-Nga, Mỹ-Ấn độ và Mỹ-Trung Á, Mỹ đã thực hiện được phần nào chủ trương “bao vây chiến lược” (strategic containment) đối với TQ. Việc chính quyền Mỹ lập lại NT1TQ, với điều kiện ĐL không tuyên bố độc lập và TQ không tấn công ĐL, một mặt tạo được ổn định ở EBĐL phù hợp với lợi ích chiến lược chung của Mỹ, mặt khác chứng tỏ Mỹ đã nhượng bộ TQ ở điểm nhạy cảm nhất. Trên nhiều vấn đề toàn cầu, Mỹ vẫn cần TQ, từ chiến tranh chống khủng bố đến ổn định ở Nam Á.

Tóm lại, trước lợi ích to lớn về kinh tế, thương mại sau khi TQ tham gia WTO, cũng như vị trí địa chiến lược mới vừa dành được, Mỹ không có lý do gì để thay đổi chính sách nước đôi, vừa hợp tác vừa đối đầu, hình thành từ 30 năm qua về vấn đề ĐL (14).

Yếu tố mới: DPP lên cầm quyền và triển vọng một nước Đài Loan độc lập

Dường như ĐL chỉ là một con tốt trên bàn cờ của các siêu cường ở vùng biển đông, song điều đó cũng không ngăn cản được một nguyện vọng của dân chúng ĐL ngày càng phát triển: đòi độc lập.

Thật vậy, khi gia đình Chiang cầm quyền ở ĐL từ 1949 đến 1987, Bắc kinh không bao giờ nghi ngờ rằng họ sẽ tuyên bố ĐL độc lập. Mao Zedong hiểu kẻ thù Chiang Kai-shek của mình quá rõ để có thể nghĩ rằng Chiang sẽ thực hiện việc ấy. Chiang vẫn luôn ôm ấp mộng trở về lục địa và thống nhất TQ. Mao luôn xem cha con Chiang là những người yêu nước!. Trên thực tế, Chiang đàn áp những người đòi độc lập ĐL cũng khốc liệt không kém gì ông tiêu diệt những người cộng sản. Vì sự sống còn, và vì chủ nghĩa chống cộng, KMT đã phải liên minh với Mỹ. Theo những tài liệu công bố gần đây (20), từ trong những năm 1950's và 1960's, Chiang đã bí mật thương thuyết với Mao về việc thống nhất TQ. Vào năm 1965, KMT và ĐCSTQ đã đi đến thoả thuận 6 điểm về việc thống nhất TQ trong đó có việc Chiang Kai-shek trở về lục địa, KMT vẫn tiếp tục hoạt động và Chiang Ching-Kuo sẽ là thống đốc ĐL... Những điểm thoả thuận khác đều là tiền đề cho đề nghị ‘một đất nước, hai hệ thống’ của Deng Xiaoping trong đầu những năm 1980. Song sau đó, cuộc cách mạng văn hoá bùng nổ (1966-1976) và mọi quan hệ xuyên eo bị đình chỉ. Chiang qua đời năm 1975, và Mao 1976. Sau khi Deng trở lại cầm quyền, quan hệ được tái lập, và Chiang Ching-kuo đã đồng ý tiến hành thống nhất TQ. Song Chiang (con) qua đời vào 1988, và theo PRC, chính quyền Mỹ lại đã can thiệp lần nữa ngăn cản tiến trình thống nhất.

Lee Teng-hui, người được KMT chọn thay thế Chiang lãnh đạo ĐL, sinh ra và lớn lên ở ĐL và chưa bao giờ sống ở lục địa, là một ‘người ĐL’ thật sự. Sau khi lên cầm quyền và trong cả nhiệm kỳ đầu (1988-1992), vì nhiều lý do, Lee đình chỉ các quan hệ với TQ. Một lý do là Lee không có hậu thuẫn chính trị mạnh trong KMT nên cần tập trung vào các vấn đề địa phương để củng cố thế lực, hơn là đi vào vấn đề xuyên eo cạm bẫy. Lý do khác quan trọng hơn là dần dần, Lee thực sự không ủng hộ việc thống nhất, không chấp nhận NT1TQ, và xem ĐL và TQ là hai thực thể ngang bằng nhau, vì TQ đã

thực sự chia và được quản lý riêng biệt. Lúc đó TQ không phản ứng gì vì thật sự nghĩ rằng Lee còn yếu và thái độ của Lee là vì phải đối phó với các cuộc đấu tranh nội bộ trong KMT (21).

Trong nhiệm kỳ thứ hai của Lee (1992-1996), Bắc kinh thực sự bắt đầu lo lắng vì cùng với quá trình dân chủ hoá, các tổ chức đòi độc lập ở trong và ngoài ĐL mọc lên như nấm. Phong trào đòi độc lập đã có từ lâu, sau biến cố 28/2/1947, song bị đàn áp khốc liệt. Lần đầu tiên, chính quyền KMT để cho họ hoạt động tự do. Đảng Dân chủ tiến bộ (Democratic Progressive Party, DPP) ra đời trong năm 1986 với một cương lĩnh chính trị giành độc lập cho ĐL (pro-independence program). DPP phát triển nhanh chóng; ngay năm 1992 đã dành được một số ghế trong Quốc hội và đặc biệt, năm 1994, Chen Shui-bian, thủ lĩnh DPP, đắc cử Thị trưởng Đài bắc. Thêm vào đó, Lee Teng-hui bắt đầu công khai bày tỏ cảm tình với phong trào độc lập. TQ rất bức mình về các phát triển này và năm 1996, đã tìm cách can thiệp, kể cả dùng đe dọa quân sự, nhằm ngăn cản Lee tái cử nhiệm kỳ thứ ba (1996-2000). Song TQ đã thất bại, Lee vẫn đắc cử, và quan hệ xuyên-eo xấu hẳn đi khi Lee tuyên bố vào 9/7/1999 rằng ĐL và TQ phải thảo luận với nhau trên cơ sở nhà nước với nhà nước (state-to-state basis) (22).

Có thể lãnh đạo TQ đã cho rằng tình hình không thể xấu hơn nữa, song họ lại sai lầm. Tháng 3/2000, ứng cử viên Chen Shui-bian của DPP bất ngờ đắc cử tổng thống, nhờ vào sự chia rẽ của KMT (23). Dù từ khi lên nhậm chức đến nay (5/2000), Chen và DPP đã tỏ ra rất thực tiễn, thiện chí và mềm dẻo trong quan hệ với TQ, không có hành động nào làm cho quan hệ xấu hơn, vấn đề ĐL độc lập là một yếu tố mới trong quan hệ xuyên-eo, và sẽ tồn tại lâu dài. Hiện nay khuynh hướng cho rằng ĐL cần bỏ hẳn cuộc thảo luận ‘một TQ, hai TQ’ và cần tiến đến một ‘Cộng hòa ĐL’ (Republic of Taiwan) (10) ngày càng được sự ủng hộ của xã hội công dân ĐL, thể hiện rõ trong cuộc bầu cử quốc hội vào tháng 12/2001. Lần đầu tiên, DPP trở thành chính đảng lớn nhất của ĐL. Nếu cộng với số phiếu dành cho đảng chính trị mới của những người ủng hộ Lee Teng-hui (Taiwan Solidarity Union, TSU, tách ra từ KMT), phe ‘độc lập’ (“pan-green”) đạt gần 50% số phiếu.

Hiện nay KMT và đảng PFP (cũng tách ra từ KMT) vẫn giữ chủ trương “một TQ”. Dù KMT vẫn còn mạnh, song sự suy sụp vì chia rẽ nội bộ của KMT, hay việc KMT phải thay đổi cương lĩnh cho phù hợp để tồn tại, là những sự kiện có thể chờ đợi trong thời gian sắp tới. Do độc quyền chính trị trong thời gian dài, KMT tập hợp khá nhiều đảng viên cơ hội; bộ máy đảng khá thối nát; tham nhũng, hối lộ, mua phiếu... là một thói quen trong đời sống chính trị; cho đến nay, nhiều đảng viên KMT đã tham gia chính phủ DPP hay bỏ phiếu cho DPP ở quốc hội (việc KMT chuyên xử dụng quyền hành và tiền bạc để dành phiếu trước đây dẫn đến hậu quả tất nhiên là mất phiếu sau khi không còn quyền và tiền!).

Tóm lại, ý tưởng độc lập ĐL không còn là một điều không tưởng, mà trở thành một điều có thể thực hiện được, ít nhất là một yếu tố hiện diện lâu dài trong đời sống chính trị ở ĐL, cũng như trong mọi giải pháp tương lai cho hòn đảo này.

Trung quốc sẽ xử dụng quân sự để giải quyết vấn đề ĐL?

Trong tình hình này, liệu TQ sẵn sàng lao vào một cuộc phiêu lưu quân sự?. Các nhà lãnh đạo TQ thừa hiểu rằng họ đã/đang/sẽ gặp rất nhiều chướng ngại vật trong việc lấy lại ĐL, nên họ đã đẩy triển vọng này ra rất xa. Sau khi TQ tham gia WTO, nhiều vấn đề kinh tế và xã hội được đặt ra và cần giải quyết ngay, vì vậy *ưu tiên quốc gia số một của TQ là hiện đại hoá nền kinh tế và củng cố quốc phòng*. Chỉ xét riêng về số lượng vũ khí hiện đại, hiện nay TQ vẫn còn kém thua ĐL. TQ tìm cách giữ vấn đề ĐL trong trạng thái hiện nay và sẽ không gây chiến tranh trong EBĐL, nếu ĐL không tiến hành những điều sau đây: (i) tuyên bố độc lập (de jure independence), (ii) tổ chức trưng cầu dân ý về độc lập, và (iii) đổi tên nước...

Sau khi DPP lên cầm quyền ở Đài bắc, Bắc kinh giữ thái độ “wait and see”, sau đó miễn cưỡng chấp nhận thực tế là DPP sẽ tồn tại lâu dài, và trong các tuyên bố gần đây, có giảm đi việc đe dọa xử dụng quân sự. TQ tiếp tục cô lập ĐL về ngoại giao (24), và chuyển cuộc tranh chấp vào địa hạt kinh tế, bằng việc kêu gọi ‘quan hệ trực tiếp’ (direct links), chuyển nhà máy vào lục địa, nhằm thu hút nguồn vốn không lồ và chất xám ĐL, tăng thêm sự lệ thuộc của ĐL vào khả năng xuất khẩu vào lục địa, và nhất là đào sâu thêm mối chia rẽ trong xã hội ĐL giữa phe ‘độc lập’ và phe ‘thống nhất’. Trong những năm tới, TQ tìm cách đánh gục khả năng tự vệ của ĐL bằng vốn, kỹ thuật, sức người,... và xử dụng chúng cho nền kinh tế TQ. Trong quan hệ với Mỹ, TQ cũng sẽ tiếp tục khai thác chính sách nước đôi

Trong cuộc đấu võ mồm này, TQ đã không thành công như mong muốn trong việc dành cảm tình hay sự ủng hộ của dân chúng ĐL. Trừ giới cử tri già cỗi của KMT, hay các giới chủ các tập đoàn kinh tế-thương mại, đang thêm thường đầu tư và kiếm lời trước thị trường to lớn TQ đang mở ra, hơn 73% dân ĐL chống lại khái niệm “một đất nước, hai hệ thống”; chỉ có 9% người ủng hộ khái niệm này (25).

Đài Loan thực sự muốn độc lập?

Độc lập ĐL là một điểm nổi bật trong cương lĩnh chính trị của đảng DPP. Song trong cuộc hai cuộc bầu cử 3/2000 và 12/2001, DPP đã không thắng cử trên điểm này. Dưới áp lực của Mỹ và tình hình thực tế, dù thực tâm muốn tuyên bố độc lập (26), DPP đã và sẽ rất thận trọng mềm dẻo trong quan hệ xuyên eo, sẽ không khiêu khích TQ, và trừ một biến cố nào đó, sẽ thực hiện chính sách “bốn không”: (i) không tuyên bố độc lập, (ii) không tổ chức trưng cầu dân ý, (iii) không ghi quan hệ nhà-nước-với-nhà-nước (state-to-state relationship của Lee Teng-hui) vào hiến pháp, và (iv) không đổi tên ROC (27). Những điều này cũng phù hợp với yêu cầu của TQ (xem trên).

Chính sách trong nước của DPP là khuyến khích xây dựng một bản sắc riêng cho xã hội ĐL, làm tăng lên sự khác biệt xã hội, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán... giữa ĐL và TQ, tạo nên một độc lập trên thực tế (de facto independence). Một ví dụ là DPP đang khuyến khích sử dụng chữ Tongyong Pinyin để chuyển chữ Quan thoại sang tiếng La tinh/La mã, bằng cách cho dạy từ trường tiểu học. Bộ chữ này được sáng chế gần đây ở ĐL dựa trên ngôn ngữ địa phương và có nhiều khác biệt với bộ chữ Hanyu Pinyin của TQ (28)....

DPP đang dành được hậu thuẫn rộng lớn của giới trí thức và tầng lớp thanh niên (29). Có thể chờ đợi rằng trong cuộc bầu cử tổng thống vào tháng 3/2004, trừ những biến cố không đoán trước được, vấn đề độc lập ĐL sẽ không là đề tài tranh cử chính, mà là các vấn đề kinh tế, xã hội, cải tổ nhằm củng cố cho nền dân chủ vẫn còn trong thời kỳ phôi thai. Nếu DPP thành công trong việc bước đầu dân chủ hoá và cải cách bộ máy hành chính, trong hai năm tới, khả năng Chen được tái cử vào 2004 là không nhỏ (30)!

Đối với đa số người dân ĐL, hai nước TQ là một thực tế của cuộc sống. Họ hiểu rằng thực sự ĐL là một nước độc lập, dân chủ, phát triển và có chủ quyền, và không cần tuyên bố độc lập nếu đó là điều TQ phản đối. Dù rất muốn “going our own way” như Chen gợi ý (31), họ chỉ mong được sinh sống, làm ăn trong yên ổn và hoà bình; chắc chắn họ không muốn chiến tranh, hay làm con cò cho bất cứ siêu cường nào trong một cuộc xung đột rộng lớn. Vì vậy, mọi quyết định chính trị hay khiêu khích... của chính quyền ĐL có thể đưa đến một can thiệp quân sự của TQ sẽ không được dân chúng ủng hộ. Hơn ai hết, họ hiểu rằng trong chiến lược quân sự mới của TQ, một cuộc tấn công bất ngờ nhằm triệt hạ sức phòng thủ của ĐL chỉ diễn ra một vài tuần, trong khi đó Mỹ phải cần 137 ngày để tổ chức một cuộc phản công (32)!

Trong một bài xã luận gần đây đăng trên tờ Taipei Times với tựa đề: “Thêm vũ khí không phải là câu trả lời” (33), Hồng Y Paul Shan của địa phận Kaoshiung đã viết lên được những suy nghĩ chung nhất của xã hội công dân ĐL, sau khi có báo cáo mới nhất của Ngũ giác đài về vũ trang của TQ và quyết định của Mỹ định trao sớm cho ĐL 120 hỏa tiễn AIM-120 (air-to-air missiles): (i) thêm nhiều vũ khí vẫn không bảo đảm được an ninh, vì trước sau, TQ sẽ vượt quá ĐL về số lượng vũ khí hiện đại, (ii) vì ĐL là một nước nhỏ, chạy đua vũ trang sẽ không giải quyết được gì mà chỉ đưa đến kiệt quệ về kinh tế, (iii) cần sử dụng tiền khổng lồ mua vũ khí hàng năm đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng, cải thiện đời sống người dân...(ĐL vẫn thiếu nước uống trầm trọng, và hệ thống giao thông chưa tốt; chất lượng đời sống, thiên nhiên, môi trường... từ lâu đã bị bỏ quên, khiến cho bị cháy não trầm trọng), (iv) cải tổ xã hội, giáo dục, chính trị..., (v) giảm bớt xung đột chủng tộc (tránh nạn Taiwanese chống lại Chinese), và (vi) một nước ĐL dân chủ, hoà hợp... sẽ là một vũ khí cần thiết hơn mọi vũ khí hiện đại khác để bảo vệ ĐL! Thực ra đây là một cương lĩnh chính trị của một tổ chức biết lo cho dân trong một xã hội bình thường!

Câu trả lời cho câu hỏi: “liệu một ngày nào đó, ĐL và TQ có thể thống nhất trong một nước TQ mới?”, thể hiện sự phân hoá lớn trong xã hội ĐL. Điều chắc chắn là đại đa số không chấp nhận mô hình Hồng Kông (một TQ, hai hệ thống) mà TQ luôn tìm cách áp đặt, nếu TQ vẫn tiếp tục chế độ như hiện nay. Nếu TQ thay đổi (dân chủ hóa!), thì việc tiến đến một loại “Greater Chinese Confederation” với một tổ chức lỏng lẻo như mô hình Liên hiệp âu châu, được một số lớn ủng hộ... Nôm na mà nói, đó là một mô hình “one China, two countries”, hay là “one China, with each side free to make its own interpretation”, một mô hình đứng giữa việc thống nhất (TQ đòi) và độc lập (DPP đòi)!

Trước những dữ kiện mới về kinh tế, như việc cả ĐL và TQ tham gia WTO, Chen Shui-bian thường đưa ra một sự mô hình hoà nhập kinh tế (economic integration) giữa ĐL và TQ, tiến đến sự chung sống, hòa nhập kinh tế và văn hoá và phụ thuộc lẫn nhau. Dù Chen không nhắc đến, song hàm ý rằng việc hoà nhập chính trị sẽ được thảo luận sau. Hiện nay, chỉ có giới chủ các công ty lớn ở ĐL thể hiện nhiệt tình trong việc quan hệ trực tiếp (China fever!). Các giới khác đều lo lắng sẽ bị TQ nuốt trứng như HK, và sức đề kháng trước đề nghị ‘nối trực tiếp’ của TQ là không nhỏ (34).

4. Thay lời kết

Tóm lại, mặt dù tình hình ở hai bên EBDL biến chuyển khá phức tạp và khó tiên đoán, về cơ bản mà nói thì Mỹ vẫn giữ NT1TQ, TQ không bị mất mặt và ĐL được hưởng lợi. Cuộc chạy đua vũ trang và các trận võ mồm sẽ tiếp diễn. Mỹ vẫn xư dụng TRA để bán vũ khí hiện đại nhất và đào tạo người cho quân đội ĐL. TQ cần rảnh tay để giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội, cũng như hoàn chỉnh lực lượng quân sự...Trừ khi có biến động trong nội tình TQ hay thay đổi lớn trong quan hệ quốc tế, chính sách của Mỹ đối với ĐL và TQ sẽ là chính sách nước đôi “một TQ” trong một thời gian dài.

Nếu phải định lượng về khả năng chiến tranh bằng cách sắp khả năng “hoàn toàn hoà bình” ở mức số 10 trên một thước đo, và khả năng “hoàn toàn chiến tranh” ở mức số 1, có người cho rằng trong thập niên sắp tới, khả năng chiến tranh, dưới một dạng nào đó, lớn hơn khả năng hoà bình; tình hình ở eo biển ĐL có thể sắp ở chung quanh mức số 4 (35). Không bên nào muốn gây chiến tranh trước, song bên nào cũng có những lợi ích sống còn, và không gian dành cho việc thỏa hiệp ngày càng bị thu hẹp. Khuynh hướng chung sống hoà bình, hoà hợp kinh tế... là lớn, song cần nhiều thời gian và sự tin cậy để thực hiện. Thách đố chính của xã hội ĐL trong việc đối đầu với TQ không phải là vì thiếu tiền bạc hay vũ khí, mà là thiếu một bản sắc dân tộc rõ ràng (national identity) (36)...

Như báo Taipei Times viết gần đây, trước sự phức tạp của vấn đề vượt quá tầm sức của họ, người dân ĐL thường muốn buông xuôi bỏ mặt cho số mệnh (fatalist); họ thật sự nghĩ rằng hoà bình ở EBDL

chỉ là một ảo tưởng, vì TQ sẽ không bao giờ thay đổi! (37). Hơn hai mươi triệu người sống ngày lại ngày qua trong tâm trạng chờ đợi một cuộc chiến tranh khốc liệt: đó là thực tế của ‘vấn đề Đài Loan’!

Tham khảo và Ghi chú:

(1) Lee Yuan-tseh, thường được đồng nghiệp gọi là YT Lee, trước đây là giáo sư hóa ở đại học Berkeley, CA, được giải Nobel hóa học năm 1986 (cùng với hai người khác) về các công trình thực nghiệm động học hóa học (chemical dynamics). Năm 1994 ông được Lee Teng-hui mời về ĐL; được bầu làm Chủ tịch “Hàn Lâm Viện Trung Hoa”, ông tổ chức lại và xây dựng nên 23 viện nghiên cứu trong mọi ngành khoa học nhân văn và chính xác trong đó có Institute of Atomic and Molecular Sciences (IAMS), nơi ông vẫn đến làm việc khoa học. Với một ngân sách đầu tư lớn, các viện nghiên cứu trang bị máy móc hiện đại và thu hút giáo sư và nghiên cứu sư người gốc ĐL và TQ từ Bắc Mỹ và Tây Âu về. Trong ngành hoá, IAMS là một trong những viện nghiên cứu lớn nhất trong vùng.

YT Lee còn đứng ra tổ chức việc cải tổ nền giáo dục tiểu và trung học ĐL. Cho đến 1999, ông được TQ tôn trọng và nghe ý kiến. Trong mùa bầu cử 3/2000, vào tuần chót YT Lee tuyên bố ủng hộ Chen Shui-bian, góp phần giúp Chen đắc cử với chênh lệch 3% phiếu. Sau đó, ông từ chức chủ tịch HLV, song bị từ chối. Chen đề nghị ông làm Thủ tướng đầu tiên, song giới khoa học trong các viện lên tiếng phản đối, vì họ cho rằng nền chính trị của ĐL khá...dơ, tốt hơn hết là YT Lee đứng ngoài chính trường, làm cố vấn. Từ đó, ông thường xuyên lên tiếng về những vấn đề nóng, thực hiện vai trò của người trí thức. Ông làm cố vấn cho Chen trong vấn đề quan hệ với TQ, dù rằng sau cuộc bầu cử, ông bị TQ cấm cửa, cho đến tháng 6/2002 mới được visa trở lại Bắc kinh dự một hội nghị khoa học!. YT Lee và các nhóm trí thức khác chung quanh HLV, không hẳn thuộc về DPP, hiện có ảnh hưởng lớn trong xã hội công dân ĐL.

(2) Hợp tác giữa các đại học Việt nam và IAMS trong việc đào tạo sau đại học.

(3) Theo tài liệu của chính phủ ĐL:

<http://www.cia.gov/cia/publications/factbook/geos/tw.html>

(4) The Treaty of Shimonoseki, April 17, 1895, trong cuốn “China and the Question of Taiwan: Documents and Analysis”, ed. H. Chiu, NY, Praeger Publications, 1973. Trang 197 dùng chữ: “in perpetuity and full sovereignty”.

(5) Biện cố lịch sử này được ghi lại trong nhiều tài liệu. Xem “ A Tragic Beginning: The Taiwan Uprising of February 28, 1947”, của Lai Tse-han et al., Stanford University Press, 1991.

(6) Trong suốt thời gian Quốc dân đảng cầm quyền, báo chí không được nhắc đến biến cố 27/2/1947. Song các tổ chức xã hội và phong trào chính trị đòi độc lập xem đó là một máu lịch sử quan trọng.

Gần đây, vào ngày 27/2/2002, tổng thống Chen Shui-bian (DPP) mới chính thức tổ chức lễ kỷ niệm sự kiện, với mục đích không để lịch sử bị mai một đi trong ký ức dân ĐL.

(7) Theo hiến pháp 1947 của KMT, Cộng hoà Trung hoa có chủ quyền trên ĐL, TQ và Mông Cổ, dù rằng Mông Cổ đã là nước độc lập và được chính TQ công nhận. Chỉ đến gần đây, tháng 2/2002, chính phủ Chen mới nhìn thực tế, ra tuyên bố “từ bỏ chủ quyền của CHTH trên phần đất ngoại Mông!”.

(8) xem (4), trang 221-222.

(9) xem (4), trang 228.

(10) Frank Ching, China Post, 28/5/2002.

(11) Tuyên bố 8 điểm của chủ tịch Jiang Zemin, 1/1/1995.

(12) xem Taipei Times, 9/7/2002.

(13) Lời mở đầu, Hiến pháp PRC.

(14) Thông cáo chung Thượng hải, 28/2/1972 và các tài liệu khác được đăng trên trang web:

<http://www.usembassy-china.org.cn/english/politics/index.html>

(15) Theo tài liệu gần đây nhất của bộ quốc phòng Mỹ, ngày 15/7/2002., có thể xem <http://www.msnbc.com/news/779440.asp?0dm=C1CRN>.

(16) ĐL có thể có quan hệ ngoại giao với các nước song không có đại sứ quán, và cũng không được sử dụng tên Taiwan. Chỉ có các văn phòng liên lạc với tên “Taipei Economic Office” etc... Mỹ chỉ có “American Taiwan Institute” ở Đài bắc. Gần đây, chính phủ ĐL tìm cách ghi trong sổ thông hành (passport) của ROC dòng chữ nhỏ “Issued in Taiwan”, song vẫn chưa thực hiện được!

(17) Cách đây vài tuần lễ, ngày 2/7/2002, lần đầu tiên một phó chủ tịch quốc hội ĐL, Chiang Ping-kun, sang thăm Hà Nội và hội đàm với phó thủ tướng Nguyễn Công Tân. Đây là quan hệ cấp cao nhất giữa ĐL và VN từ trước đến nay. Bộ ngoại giao TQ đã lên tiếng phản đối ngay: “China clearly indicates it opposes the development with Taiwan of any official contact by countries which have diplomatic ties with China”.

(18) xem Taipei Times, ngày 17/05/2002.

(19) xem Taipei Times, 04/2002.

(20) xem Straits Times, 9/7/2000.

(21) Sau khi đắc cử tổng thống ĐL, Lee Teng-hui luôn bị cánh đảng viên lục địa KMT phản đối, thể hiện qua các cuộc đấu tranh giành quyền lực trong KMT giữa Lee và Hao Paocun.

(22) xem Taipei Times, 9/7/2002 và các số tiếp theo.

(23) Trong cuộc bầu cử tháng 3/2002, Chen Shui-bian được 39.3 % phiếu, James Soong của đảng People First Party (PFP) 36.8 % và Lien Chan của KMT 23.1 %. Soong cũng từ KMT, nhưng vì không được chọn làm ứng cử viên tổng thống, nên tách ra lập nên đảng PFP.

(24) Gần đây, Thuy điển từ chối cấp visa nhập cảnh cho Chen hay các bộ trưởng ĐL. TQ sẵn sàng bỏ ra nhiều tiền để mua chuộc các nước nhỏ cắt quan hệ với ĐL, như đảo nhỏ Náuu, trong tuần qua, xem *China Post*, 23/07/2002. Trên ặt trận ngoại giao, TQ và nhất là ĐL sử dụng ‘money diplomacy’ một cách triệt để, thể hiện qua chuyến đi thăm châu Phi của Chen trong tháng đầu tháng 7/2002.

(25) Theo thăm dò dư luận từ 15 đến 18/4/2002, do trung tâm nghiên cứu bầu cử của đại học quốc gia Chengchi.

(26) *Newsweek*, bài phỏng vấn Chen Shui-bian, Asian edition, 14/5/2002.

(27) xem *China Post*, 28/1/2002.

(28) *Taipei Times*, ngày 19/7/2002, phần tin Taiwan.

(29) Theo thăm dò dư luận đăng trong *China Post*, 10/5/2002. Xem thêm chú thích (1).

(30) Trong cuộc bầu cử tổng thống 3/2000, Chen chỉ được 39% phiếu song đắc cử nhờ vào sự chia rẽ của hai ứng viên gốc KMT (đạt đến 57%). Vì vậy, hiện nay, KMT đang nói đến một ‘ticket Soong (PFP) + Lien (KMT)’ nhằm đánh bại Chen.

(31) Gần đây Chen tuyên bố: “we would not rule out the possibility of going our own way”, *Taipei Times*, 22/7/2002.

(32) *Taipei Times*, ngày 19/7/2002.

(33) Paul Shan, “More weaponry is not the answer”, editorial, *Taipei Times*, ngày 18/7/2002.

(34) Chẳng hạn như bài xã luận có tựa đề “Say No to direct links with China”. *Liberty Times* 14/7/2002, hay bài “Beware Beijing’s direct links trap”, *Taipei Times*, 6/6/2002.

(35) Martin L. Lasater và Peter Kien-hong Yu, trong “Taiwan’s Security in the Post-Deng Xiaoping Era”, ed. Frank Cass, London, November 2000.

(36) Người ĐL vẫn chưa trả lời được câu hỏi: “Taiwanese, anh là ai?”.

(37) “Peace across the strait an illusion”, *Taipei Times*, editorial, 30/6/2002.

Nguyễn Minh Thọ
Department of Chemistry,
University of Leuven,
B-3001 Leuven, Belgium

email: minh.nguyen@chem.kuleuven.ac.be

homepage: <http://www.chem.kuleuven.ac.be/~minhtho>